

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ DŨN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông cấp Tiểu học
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	44/44	Số phòng/số lớp
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	44	Số phòng
2	Phòng học bán kiên cố	0	Số phòng
3	Phòng học tạm	0	Số phòng
4	Phòng học nhờ, cho mượn	0	Số phòng
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	7319	Số m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	4200	Số m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	Số m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	110	Số m ²
3	Diện tích phòng giáo dục rèn luyện thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		Số m ²
4	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	48	Số m ²
5	Diện tích phòng tin học (m ²)	108	Số m ²
6	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48	Số m ²
7	Diện tích phòng giáo dục hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		Số m ²
8	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	24	Số m ²
9	Diện tích các phòng khác (m ²)		Số m ²
	- Phòng Vi tính	72	Số m ²
	- Phòng Hiệu trưởng	24	Số m ²
	- Phòng Phó hiệu trưởng	24	Số m ²
	- Phòng Hội đồng (Hội trường)	284	Số m ²
	- Phòng Hành chính	24	Số m ²
	- Phòng Y tế	24	Số m ²
	- Phòng Thiết bị	48	Số m ²
	- Phòng nghỉ của Giáo viên		Số m ²
	- Phòng Nghệ thuật (Phòng âm nhạc, Phòng Mĩ thuật)		Số m ²
	- Nhà kho	10	Số m ²

mau 07

Login

VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị	44	Số bộ/số lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có	44	Số bộ/số lớp
1.1	Khối lớp 1	7	Số bộ/số lớp
1.2	Khối lớp 2	8	Số bộ/số lớp
1.3	Khối lớp 3	10	Số bộ/số lớp
1.4	Khối lớp 4	12	Số bộ/số lớp
1.5	Khối lớp 5	7	Số bộ/số lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu	0	Số bộ/số lớp
2.1	Khối lớp 1	0	Số bộ/số lớp
2.2	Khối lớp 2	0	Số bộ/số lớp
2.3	Khối lớp 3	0	Số bộ/số lớp
2.4	Khối lớp 4	0	Số bộ/số lớp
2.5	Khối lớp 5	0	Số bộ/số lớp
VII	Tổng số máy tính đang được sử dụng	100/2144	Số bộ/số học sinh
VIII	Tổng số thiết bị		Số Thiết bị/lớp
1	Tivi	44	
2	Máy tính giảng dạy	44	
3	Âm thanh lớp học	44	
4	Máy Cassette	1	
5	Âm thanh học đường	1	
6	Máy chiếu OverHead/Projector/Bảng tương	22	
7	Đàn Organ - Piano	1	
8	Thiết bị khác	1	

IX. Nhà bếp - Phòng ăn

STT	Nội dung	Diện tích (Số lượng)
1	Nhà bếp	50m ²
2	Phòng ăn (Nhà ăn)	240 m2

X. Cơ sở vật chất phục vụ cho bán trú - nội trú

STT	Nội dung	Số lượng phòng/ tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/ chỗ
1	Phòng nghỉ cho học sinh			
2	Khu nội trú			

XI. Nhà vệ sinh

STT	Nội dung	Dùng cho học sinh		Số m ² /phòng		Dùng cho giáo viên
		Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ	

1	Đạt chuẩn vệ sinh *		16		16,25 m ²	9
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh *					

* Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

XII. Nguồn cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nhà trường

STT	Nội dung	Có	Không
1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
2	Nguồn điện (điện lưới, phát điện riêng)	x	
3	Kết nối Internet (ADSL)	x	
4	Trang thông tin điện tử của nhà trường	x	
5	Tường rao xây	x	

Gò Vấp, ngày 06 tháng 9 năm 2023



Hồ Thị Hồng Hà